

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Phạm Thị Phụng;

2/- Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh – *Thẩm phán Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu – *Kiểm sát viên.*

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Ông Hà Văn X, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: Bà Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Ông X và bà Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn X trình bày:

Ông và bà Nguyễn Hoàng T cưới nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp nhau nên thường xuyên cự cãi làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, ông và bà T đã ly thân nhau từ tháng 02/2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Hoàng T.

- Về con chung: Giữa ông và bà T có 01 con chung tên Hà Minh T1, sinh năm 2008. Ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông X không tự nguyện cấp dưỡng cho con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Hoàng T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

*Tại phiên phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Hà Văn X vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn bà Nguyễn Hoàng T vắng mặt không lý do.
- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Hà Văn X là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông X.

Bà Nguyễn Hoàng T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Hà Văn X giao nộp 01 giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 17/7/2009 của Ủy ban nhân dân xã Tân Bình nên Hội đồng xét xử xác định giữa ông Hà Văn X và bà Nguyễn Hoàng T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, ông X xác định giữa ông và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi nên đã ly thân nhau từ tháng 02/2019 đến nay không hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Bà T không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của ông X, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa chứng tỏ bà không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân với ông X nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định lời trình bày của ông X về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông X và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông X được ly hôn với bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung:

Ông X không yêu cầu nuôi con chung và đồng ý tiếp tục giao 01 con chung tên Hà Minh T1 sinh ngày 26/02/2008 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T không có văn bản thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung của ông X.

Cháu Hà Minh Thư có bản khai thể hiện nguyện vọng muốn sống với bà T.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Con chung của ông X và bà T đang sống ổn định với bà T và yêu cầu giao con chung cho bà T nuôi của ông X là phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Ông X không tự nguyện cấp dưỡng cho con, bà T không có văn bản yêu cầu ông X thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Ông X không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Ông X phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Chấp nhận cho ông Hà Văn X được ly hôn với bà Nguyễn Hoàng T.
2. Con chung:

Giao 01 con chung tên Hà Minh T1, sinh ngày 26/02/2008 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T chưa có yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Ông X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí:

Ông X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04984 ngày 04/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên ông X không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Ông X và bà Hoàng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự: X, T;
- UBND xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Ánh Tuyết